TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55 /2020/HS-ST
Ngày 22-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Viết Ty
Ông Nguyễn Trọng Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị T Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnhThanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Trần Huy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngµy 31/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 04/5/2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị T - sinh ngày 19 tháng 8 năm 1989, tại thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Đ, phường S, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Cộng tác viên Báo M; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang D và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Lê Ngọc M (đã ly hôn năm 2016) và 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: ngày 25/12/2019; tạm giam: ngày 03/01/2020; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Cao Minh Q – Sinh năm: 1964 - Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi H (vắng mặt).
Trú tại: SN 17/166 đường T, phường H, thành phố Thanh Hóa.

- Người làm chứng:

1. Anh Đinh Văn Đ - sinh năm:1985, (vắng mặt).
Trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

2. Anh Nguyễn Xuân K- sinh năm: 1982, (vắng mặt).
Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

3. Anh Cao Đức A - sinh năm: 1990, (vắng mặt).
Trú tại: Lô 17, khu 1, khu đô thị M, phường H, TP Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 14 giờ 15 phút, ngày 25/12/2019 tại quán cà phê M, địa chỉ B11, khu 2, khu đô thị M, phường H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang Phạm Thị T là cộng tác viên của Tạp chí M số 114, đường V, quận G, thành phố Hà Nội đang có hành vi nhận số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) từ anh Cao Đức A sinh năm 1990, trú tại lô 17, khu 1, khu đô thị M , phường H, thành phố Thanh Hóa là lái xe của ông Cao Minh Q - Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi H để Phạm Thị T không phản ánh một số sai phạm của Công ty Cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi H lên báo chí. Tang vật T giữ gồm 20 tờ tiền có mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), được bỏ trong một phong bì thư có dòng chữ "Cao Minh Q Công ty Cổ phần xây dựng giao thông - thủy lợi Tuấn H".

Quá trình điều tra xác định Phạm Thị T là Cộng tác viên của Tạp chí M, theo sự phân công của tạp chí T có nhiệm vụ mời ký các hợp đồng quảng cáo tại tỉnh Thanh Hóa cho tạp chí. T trực tiếp đi liên hệ với các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Nếu đơn vị, doanh nghiệp nào có nhu cầu viết bài tuyên truyền về đơn vị, doanh nghiệp mình, thì T sẽ yêu cầu đơn vị, doanh nghiệp đó ký hợp đồng truyền thông, sau đó T sẽ viết bài đăng trên website của Tạp chí M. Quá trình công tác T đã Tê phòng tại khách sạn Đ, ở phường B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để ở, cùng ở tại khách sạn này còn có Đinh Văn Đ, sinh ngày 05/5/1985, trú tại thôn H, xã T và Nguyễn Xuân K, sinh ngày 20/6/1982, trú tại thôn C, xã Q, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa là phóng viên của Tạp chí S và sáng tạo là người quen của T. T biết ngày 24/12/2019, anh Đ và anh Kcó lịch đi công tác tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên T đã liên hệ đi cùng.

Sáng ngày 24/12/2019, T cùng với anh Đ và anh K xuống UBND huyện Hoằng Hóa để liên hệ công tác. Khi đến địa phận Cầu Goòng Tộc thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa cả ba thấy có công trình đang thi công nên xuống xem, khi đến nơi T phát hiện một số tấm đan đổ bê tông không đàn hồi, bị bong tróc, bờ kè có mốc chỉ không khít, có thể gây vỡ tấm đan…, theo kinh nghiệm của T cho rằng có dấu hiệu sai phạm khi thi công nên T, anh K , anh Đ đã chụp ảnh và quay phim lại để làm tư liệu, tiếp đó cả ba cùng đến UBND huyện Hoằng Hóa để liên hệ công tác. Tại đây, anh Đ liên hệ với anh Nguyễn Văn T là Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa để đặt lịch làm việc. Sau khi nghe anh Đ phản ánh có dấu hiệu sai phạm về công trình thi công tại Cầu Goòng, anh T đã trao đổi nội dung phóng viên phản ánh cho

ông Cao Minh Q - Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Tuấn H, là đơn vị thi công Công trình bờ kè sông Goòng đồng thời cho ông Q số điện thoại của anh Đ để liên lạc. Sau khi có số điện thoại của anh Đ, ông Q đã chủ động gọi điện thoại cho anh Đ và hẹn gặp các phóng viên này ở quán cà phê Nhà Sàn ở thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa để trao đổi công việc. Khi cả ba đến nơi, đúng lúc này ông Q có việc bận nên xin phép về trước, trước khi đi ông Q có đặt 03 phong bì lên bàn (bên trong mỗi phong bì có 1.000.000đ), đồng thời trao đổi với ba phóng viên này tạo điều kiện cho doanh nghiệp rồi ra về. Lúc này anh Đ có bóc thử một phong bì thì thấy bên trong có 02 tờ tiền, mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nên đã đi ra ngoài xe ô tô của ông Q để trao đổi mong anh Q tạo điều kiện thêm, ông Q có rút ví ra và đưa cho anh Đ 3.000.000đ (Ba triệu đồng) rồi ra về. Anh Đ cầm số tiền trên quay lại bàn uống nước nói cho T và K biết, sau đó đặt tiền lên bàn rồi ra ngoài đi vệ sinh, lúc này anh K cầm số tiền 3.000.000đ đưa cho T và cầm 03 phong bì nói trên cất vào cặp của anh Đ, cả ba ngồi uống nước một lúc thì ra về. Khi lên xe ô tô anh Đ có mở cặp tài liệu ra kiểm tra thì thấy 03 cái phong bì của ông Q nên chủ động đưa cho T giữ. T cầm số tiền 3.000.000đ và 03 phong bì bỏ vào hộp đựng đồ phía trước ghế phụ xe ô tô của K. Tiếp đó, cả ba quay lại UBND huyện Hoằng Hóa để anh K và T làm việc với anh T - Giám đốc Ban quản lý dự án huyện Hoằng Hóa, còn anh Đ đợi dưới xe ô tô.

Quá trình làm việc anh K có cho anh T xem ảnh, video anh K quay được tại công trình Cầu Goòng, thì anh T có trao đổi với anh K gửi video cho anh T để làm tư liệu kiểm tra, anh K đã gửi đoạn video quay tại bờ kè Sông Goòng cho anh T, sau đó cả ba về thành phố Thanh Hóa, nghỉ trưa ở khách sạn Đ. Tại khách sạn, T và anh Đ đã bàn bạc, thống nhất với nhau sẽ không gửi thông tin về Tòa soạn để phản ánh sai phạm của Công ty Cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi H , mà sẽ gọi điện thoại cho ông Q để thông báo sai phạm về công trình nói trên, mục đích để ông Q lo sợ, nếu ông Q không đưa tiền thì mới gửi thông tin về tòa soạn đăng báo phản ánh sai phạm. Sau đó, T đã chủ động gọi điện thoại cho ông Q với nội dung phản ánh sai phạm của Công ty liên quan đến công trình thi công tại Cầu Goòng, ông Q đã xin T tạo điều kiện không đăng bài và hẹn gặp T để trao đổi cụ thể.

Tối ngày 24/12/2019, tại Phòng 901 - Khách sạn Đ, T và anh Đ lại trao đổi, thống nhất với nhau là do cả hai làm ở hai báo khác nhau, nên cả hai sẽ cùng gọi điện thoại cho ông Q để đe dọa, yêu cầu ông Q phải đưa tiền và không để ông Q biết việc cả hai ở cùng nhau, mục đích là để cả hai người đều nhận được tiền từ ông Q.

Sáng ngày 25/12/2019, anh Đ, anh K và T đi công tác tại thành phố Sầm Sơn, trong thời gian ở Sầm Sơn, T liên tục gọi điện thoại cho ông Cao Minh Q để đặt vấn đề về việc không đăng bài phản ánh sai phạm của công ty H, T có nói là sẽ không

đăng bài nhưng với điều kiện ông Q phải ký với T hợp đồng truyền thông trị giá 15.000.000 đồng, mục đích của T là để hợp thức hóa số tiền ông Q đưa cho T không phải là T được hưởng. Tuy nhiên, ông Q không đồng ý ký hợp đồng truyền thông mà chỉ đồng ý đưa tiền cho T, ông Q có xin T bớt xuống còn 10.000.000 đồng, T đồng ý và thống nhất chiều cùng ngày sẽ gặp nhau để đưa tiền. Sau khi ăn cơm trưa tại Sầm Sơn, Phạm Thị T, Đinh Văn Đ và Nguyễn Xuân K tiếp tục về khách sạn Đ ở thành phố Thanh Hóa nghỉ. Về đến nơi, T và anh Đ thống nhất với nhau chiều ngày 25/12/2019, T sẽ hẹn gặp và nhận số tiền 10.000.000 đồng của ông Q trước, nếu T nhận trót lọt sẽ đến lượt Đ hẹn gặp để nhận tiền của ông Q , số tiền nhận được từ ông Q, T sẽ không báo lại Tạp chí M biết, cũng không chia cho Đ.

Đầu giờ chiều ngày 25/12/2019, ông Q gọi điện cho T và nói là có việc bận phải đi Hà Nội, ông Q sẽ nhờ người mang tiền đến cho T và hẹn T đến quán cà phê M ở B11, khu 2, khu đô thị M , phường H, thành phố Thanh Hóa để nhận tiền và mô tả đặc điểm người đến đưa tiền cho T biết. Sau khi hẹn T, ông Q đã nhờ anh Cao Đức A, sinh năm 1990, trú tại L17, khu 1 M , phường H, thành phố Thanh Hóa là lái xe riêng của ông Q 14 giờ cùng ngày đến địa chỉ trên để đưa tiền cho T. Theo lịch hẹn, T bắt xe taxi Mai Linh đến quán cà phê Moon Coffe gặp anh Cao Đức Ađể nhận tiền của ông Q , trong lúc đang nhận tiền từ anh Cao Đức A thì bị Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang, cùng với tang vật là số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã T giữ các vật chứng, đồ vật, tài liệu, gồm:

- Bắt quả tang Phạm Thị T tạm giữ số tiền 10.000.000đ; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu "SAMSUNG - Galaxy A50", có số seri R58M61JRV1A, IMEI (khe 1): 356646104122973, IMEI (khe 2): 356647104122971, bên trong có 01 sim 0976727069; 01 chiếc túi xách màu đen, trên khóa của túi xách có dòng chữ "Q.G.W.DAISHU"; 01 quyển sổ ghi chép, bìa sổ có dòng chữ "OFFICE DIARI", bên trong có 04 tờ có tài liệu; 04 tờ bìa có đặc điểm giống nhau, tại chính giữa bìa có dòng chữ "M vì sự sống của con người và thiên nhiên"; 01 đồ vật dạng kẹp (cặp) tài liệu, tại góc dưới cùng bên phải của đồ vật có dòng chữ "XIFU"; và một số giấy tờ tài liệu.

- 01 USB lưu trữ các file ghi âm nội dung trao đổi giữa ông Q và Phạm Thị T; 01 USB màu đen nhãn hiệu "Trans send" chứa các File Video được trích xuất từ Camera tại Khách sạn Đ ở phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa; 01 USB màu đen nhãn hiệu "Kingston" chứa các file Video được trích xuất từ Camera tại quán cà phê Nhà Sàn ở phố Đạo Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa.

- 01 (Một) chiếc ví màu hồng đất do Trịnh Văn B giao nộp, bên trong có: số tiền 7.660.000đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 (Một) thẻ ATM do Ngân hàng Quân đội phát hành, trên mặt thẻ có ghi PHAM THI T; ID 36649770; 02 (Hai) giấy chứng nhận Tạp chí điện tử M đều mang tên Phạm Thị T; 01 (Một) thẻ công tác của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và sáng tạo mang tên Đinh Văn Đ; 01 (Một) căn cước công dân mang tên Phạm Thị T.

Cơ quan điều tra đã xác định: Các đồ vật, tài liệu đã tạm giữ không liên quan đến vụ án gồm: Số tiền 7.660.000đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 (Một) thẻ ATM; 02 (Hai) giấy chứng nhận Tạp chí điện tử M; 01 (Một) căn cước công dân; 01 (Một) chiếc ví màu hồng đất, của Phạm Thị T. 01 (Một) thẻ công tác của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và sáng tạo của Đinh Văn Đ. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp được bị can ủy quyền.

Các đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án gồm: Số tiền 10.000.000đ; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG - Galaxy A50; 01 chiếc túi xách màu đen, trên khóa của túi xách có dòng chữ "Q.G.W.DAISHU"; 01 quyển sổ ghi chép, bìa sổ có dòng chữ "OFFICE DIARI", bên trong có 04 tờ có tài liệu; 04 tờ bìa có đặc điểm giống nhau, tại chính giữa bìa có dòng chữ "M vì sự sống của con người và thiên nhiên"; 01 đồ vật dạng kẹp (cặp) tài liệu, tại góc dưới cùng bên phải của đồ vật có dòng chữ "XIFU" tạm giữ khi bắt quả tang Phạm Thị T và 03 USB được chuyển đến Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý.

Đối với anh Đinh Văn Đ: Ngày 24/12/2019, anh Đ có gọi điện thoại trao đổi với ông Cao Minh Q về vấn đề công việc, ngoài ra không trao đổi thêm nội dung nào khác. Điệp và T có trao đổi về nội dung làm việc với Công ty Cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi H , tuy nhiên không trao đổi, thống nhất gì về việc đòi tiền ông Q , cũng như không biết, không trao đổi với T về việc T đi nhận số tiền 10.000.000 đồng của ông Q vào ngày 25/12/2019. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị can Phạm Thị T và anh Đinh Văn Đ nhưng cả hai vẫn giữ nguyên lời khai như ban đầu. Mặt khác, chưa có sự việc anh Đinh Văn Đ gọi điện cho ông Q để liên lạc nhận tiền như lời khai của bị can Phạm Thị T. Nên không có cơ sở xử lý Đinh Văn Đ về đồng phạm với Phạm Thị T.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng, ông Cao Minh Q đưa tiền cho Đinh Văn Đ tại quán cà phê Nhà Sàn ở thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa. Cơ quan điều tra xác định việc đưa tiền là do ông Q chủ động đưa, không có việc đe dọa, ép buộc từ Đinh Văn Đ, Nguyễn Xuân K và Phạm Thị T nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã có văn bản trao đổi đến Tạp chí sở hữu trí tuệ và sáng tạo để xử lý theo quy định.

- Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS-P2 ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Thị T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Vật chứng: Tịch T 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG - Galaxy A50 T của bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Tịch T tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu đen, trên khóa của túi xách có dòng chữ "Q.G.W.DAISHU"; 01 quyển sổ ghi chép, bìa sổ có dòng chữ "OFFICE DIARI", bên trong có 04 tờ có tài liệu; 04 tờ bìa có đặc điểm giống nhau, tại chính giữa bìa có dòng chữ "M vì sự sống của con người và thiên nhiên"; 01 đồ vật dạng kẹp (cặp) tài liệu, tại góc dưới cùng bên phải của đồ vật có dòng chữ "XIFU" và 03 USB.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại và vật chứng T được cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Thấy đủ cơ sở chứng minh: Phạm Thị T là cộng tác viên của Tạp chí M, được Tạp chí cử đi công tác tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa để viết bài tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong việc M. Sau khi phát hiện có dấu hiệu sai phạm tại công trình Cầu Goòng do công ty Cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi H thi công. Phạm Thị T đã lợi dụng danh nghĩa nhà báo để gọi điện thoại cho ông Cao Minh Quê, Giám đốc công ty đe dọa sẽ đăng bài lên báo chí nếu ông Q không đưa tiền cho T và yêu cầu ông Q phải ký hợp đồng truyền thông với T trị giá 15.000.000đ nhằm chiếm đoạt tài sản và hợp thức hóa số tiền nhận từ ông Q . Do ông Q không đồng ý ký hợp đồng truyền thông, nên T đã đồng ý nhận 10.000.000

đồng của ông Q để không đăng bài phản ánh sai phạm về công trình công ty ông Q đang thi công. Ngày 25/12/2019 khi Phạm Thị T đang nhận số tiền 10.000.000đ từ anh Cao Đức A là lái xe của ông Cao Minh Q thì bị bắt quả tang. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo như trên là đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Phạm Thị T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khỏan 1 Điều 170 BLHS.

[3]. Tính chất vụ án: Vụ án có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo đã lợi dụng danh nghĩa là nhà báo gọi điện cho bị hại đe dọa đăng bài lên báo chí để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến uy tín của Cơ quan Báo chí và gây mất trật tự trị an chung, cũng như ảnh hưởng của nghề nhà báo cần phải xử lý nghiêm minh.

[4]. Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Với tính chất của bị án thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần giảm nhẹ một phần TNHS cho bi cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Mẹ đẻ bị cáo nộp đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện bố mẹ bị cáo già yếu bệnh tật, bị cáo đã ly hôn chồng một mình nuôi hai con còn nhỏ. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trên nên xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật sớm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS.

[5]. Về phần dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 10.000.000đ nhưng bị bắt quả tang. Số tiền trên đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; Ông Cao Minh Q được nhận lại số tiền 10.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS.

[6]. Vật chứng: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG - Galaxy A50 T của bị cáo, bị cáo dùng điện thoại vào việc phạm tội nên tịch T sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 chiếc túi xách màu đen, trên khóa của túi xách có dòng chữ "Q.G.W.DAISHU"; 01 quyển sổ ghi chép, bìa sổ có dòng chữ "OFFICE DIARI", bên trong có 04 tờ có tài liệu; 04 tờ bìa có đặc điểm giống nhau, tại chính giữa bìa có dòng chữ "M vì sự sống của con người và thiên nhiên"; 01 đồ vật dạng kẹp (cặp) tài liệu, tại góc dưới cùng bên phải của đồ vật có dòng chữ "XIFU" tạm giữ khi bắt quả tang Phạm Thị T và 03 USB không còn giá trị sử dụng nên tịch T để tiêu hủy; căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 1 Điều 106 BLTTHS.

[7]. Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; khoản 1 Điều 48 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 25/12/2019.

Về phần dân sự: Tuyên trả cho ông Cao Minh Q số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ông Q được nhận tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Ủy nhiệm chi ngày 30/3/2020.

Áp dụng: Khoản 1, điểm a, c khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Khoản 2 Điều 136 của BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

Vật chứng: Tịch T 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG - Galaxy A50 T của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Tịch T để tiêu hủy 01 chiếc túi xách màu đen, trên khóa của túi xách có dòng chữ "Q.G.W.DAISHU"; 01 quyển sổ ghi chép, bìa sổ có dòng chữ "OFFICE DIARI", bên trong có 04 tờ có tài liệu; 04 tờ bìa có đặc điểm giống nhau, tại chính giữa bìa có dòng chữ "M vì sự sống của con người và thiên nhiên"; 01 đồ vật dạng kẹp (cặp) tài liệu, tại góc dưới cùng bên phải của đồ vật có dòng chữ "XIFU" và 03 USB.

(Toàn bộ vật chứng trên đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 58/2020/TV-CTHADS ngày 31/3/2020).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thủy